

Slovní zásoba

Đi jít Nho hrozen Bê tele Lê hruška Cô teta (mladší), slečna	Về vrátit se Hè léto Bò kráva Cò cáp Mờ matný nhà dũm	Hổ tygr Khỉ opice Bẻ zlomit Cỏ tráva Vỏ obal	Vẽ malovat Gỗ dřevo Lễ svátek Mỡ mastný Ngã spadnout	Cá ryba Lá list Chó pes Bé malá Bế nést có mít	Vợ manželka Cụ stařec Cọ palma Mẹ matka
--	--	--	--	---	--